

Số: 1040 /BC-SXD

Hà Nam, ngày 02 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 và xây dựng kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025

Thực hiện công văn số 1938/BXD-KHTC ngày 24/4/2020 của Bộ Xây dựng về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 và xây dựng kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025.

Sở Xây dựng báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 và xây dựng kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH.

Thực hiện nhiệm vụ do Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh giao, tập thể Lãnh đạo Sở Xây dựng Hà Nam cùng toàn thể công chức, viên chức ngành Xây dựng Hà Nam đã nhận thức sâu sắc về chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu công tác. Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, tập thể Lãnh đạo Sở đã nêu cao ý thức đoàn kết, tinh thần trách nhiệm, tập trung chỉ đạo quyết liệt các tổ chức, phòng chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc chủ động phối hợp với các Sở, ngành, các huyện, thành phố nghiên cứu tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời điều chỉnh; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn trong lĩnh vực quản lý của ngành; chất lượng tham mưu ngày càng nâng cao, đáp ứng yêu cầu đề ra, sát với thực tiễn quản lý, điều hành của địa phương. Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn được Bộ Xây dựng, Tỉnh ủy, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam quan tâm chỉ đạo sát sao, do vậy hầu hết các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình công tác đều hoàn thành đúng tiến độ quy định.

Kết quả đạt được trong công tác chỉ đạo, điều hành 2016-2020 của ngành xây dựng Hà Nam được thể hiện qua một số lĩnh vực chủ yếu, cụ thể như sau:

1. Công tác quản lý nhà nước về xây dựng:

1.1. Công tác tham mưu soạn thảo văn bản:

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Sở Xây dựng căn cứ các văn bản của Bộ Xây dựng đã chủ động nghiên cứu, đề xuất tham mưu 50 văn bản trình Ủy ban

nhân dân tỉnh, HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết, quyết định, quy định, chỉ thị thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành, cụ thể như¹.

1.2. Công tác Quản lý Quy hoạch - Kiến trúc:

Sở Xây dựng đã tích cực chủ động tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và tổ chức công bố các Quy hoạch xây dựng vùng, Quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng chuyên ngành có tính chất quan trọng, chiến lược, tác động lớn, làm tiền đề hình thành hệ thống đô thị, cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới, như².

Ngoài ra còn thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khoảng 120 quyết định về nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trên địa bàn tỉnh để triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng³.

¹ Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định quản lý quy hoạch, đầu tư, khai thác khu đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định phối hợp quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn; Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định về thẩm định dự án, thiết kế xây dựng, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh; Quyết định 1021/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 về việc Công bố bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị tỉnh Hà Nam; Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND về phân cấp thẩm định dự án, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định 891/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định về Ban hành Quy trình kiểm định, đánh giá chất lượng công trình phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định 1219/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 về Đơn giá xây dựng công trình - Phần khảo sát trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND tỉnh về quy định phối hợp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 20/09/2018 ban hành quy định về hoạt động kiểm định, giám định xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 ban hành quy chế phối hợp thực hiện chế độ báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 8/7/2019 Công bố giá thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, kết cấu và công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 8/11/2019 công bố đơn giá bảo dưỡng và sửa chữa công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/1/2020 ban hành mức phát thải rác sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam...

² Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Phủ Lý đến năm 2030 và tầm nhìn 2050; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm, Kim Bảng, Lý Nhân, Bình Lục; Quy hoạch khu công nghiệp Đồng Văn III vị trí phía Đông đường Cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình; Quy hoạch khu công nghiệp Đồng Văn IV-Vigracera; Trung tâm Y tế chất lượng cao; thẩm định quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 phường Duy Minh, Đồng Văn, Bạch Thượng, Hoàng Đông, Yên Bắc, Hòa Mạc, Châu Giang, Tiên Nội, Duy Hải thị xã Duy Tiên...

³ Khu thương mại và nhà ở đô thị tại xã Duy Minh và xã Duy Hải, huyện Duy Tiên; khu nhà ở đô thị tại thị trấn Quế, huyện Kim Bảng; khu công nghiệp Thái Hà giai đoạn 1; khu nhà ở đô thị phía Đông Nam Đồng Văn; khu nhà ở đô thị trung tâm Duy Tiên; Khu đô thị TEELhomes Trảng An tại xã Trảng An huyện Bình Lục; khu dân cư thương mại nông thôn tại xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân; nhà máy xi măng Long Thành của Công ty cổ phần xi măng Long Thành tại xã Thanh Sơn huyện Kim Bảng và thị trấn Kiện Khê huyện Thanh Liêm; cụm công nghiệp Trung Lương tại xã Trung Lương huyện Bình Lục; khu nhà ở đô thị Thái Hà - Vạn Hải Lý; khu nhà ở đô thị tại lô 1.3.DT10 theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Duy Tiên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Khu nhà ở đô thị phía Bắc thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân; khu đô thị bắc Châu Giang thành phố Phủ Lý; Khu nhà ở sinh thái Nhật Tân Đông, huyện Kim Bảng; Thiết kế đô thị trục đường 68m, 150m, đường N1, N2 và dọc hai bên bờ sông Đáy, sông Châu trên địa bàn thành phố Phủ Lý; Quy hoạch sân golf Kim Bảng; Quy hoạch Khu nhà ở Cao cấp Hải Sơn; Khu dân cư thương mại và chợ Nhật Tân, huyện Kim Bảng; khu thương mại dịch vụ và nhà ở phố Cà, huyện Thanh Liêm; khu ITASCO Hà Nam Center tại phường Liêm Chính thành phố Phủ Lý; bệnh viện Nhi và Trung tâm dịch vụ y tế chất

Bên cạnh công tác lập, thẩm định quy hoạch, lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc còn thực hiện giải quyết các TTHC liên quan, gồm: 350 hồ sơ thông báo địa điểm; 213 hồ sơ Cấp giấy phép xây dựng.

1.3. Công tác Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật:

Thực hiện Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 25/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/8/2011 của Tỉnh ủy Hà Nam về phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2020, Sở Xây dựng đã chủ động, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Cụ thể như: Chương trình phát triển đô thị Duy Tiên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định về Công nhận huyện Duy Tiên đạt tiêu chí đô thị loại IV...Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 16 đô thị (*trong đó 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại IV, 05 đô thị loại V, 09 đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V*). Theo đó, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Hà Nam đến nay đã đạt 38,5% (*xấp xỉ bình quân cả nước*), qua đó đã hoàn thành trước thời gian và vượt mức chỉ tiêu của Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XIX đề ra (*phần đầu đến năm 2020 đạt 35%*).

Các đồ án quy hoạch xây dựng chuyên ngành và dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đã được quan tâm đầu tư nhiều, cụ thể như: Quy hoạch thoát nước mưa, quy hoạch cấp nước trên địa bàn tỉnh; dự án đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước mội Nam; dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại khu Bắc Châu Giang, các dự án đầu tư sử dụng vốn WB về phát triển giao thông và xử lý môi trường trên địa bàn thành phố Phủ Lý, hệ thống Cảng hàng hóa dùng chung trên sông Đáy, sông Hồng; ...

1.4. Công tác Phát triển Nhà ở và thị trường bất động sản:

- Đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển Nhà ở của tỉnh Hà Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định ban hành quy chế phối hợp, cung cấp, quản lý thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh...

- Thực hiện Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 23/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hà Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Sở Xây dựng đã tích cực chủ động phối hợp với Sở, ngành và chính quyền các huyện, thị xã, thành phố triển khai tích cực công tác phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh. Các dự án nhà ở được triển khai phù hợp với quy hoạch và chương trình phát triển, thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam khởi sắc, đó là tín hiệu rất tích cực để Hà Nam phát triển mạnh mẽ, bền vững.

+ Báo cáo Bộ Xây dựng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân tự xây nhà: Dự án đầu tư xây dựng Khu dịch vụ, nhà ở công nhân Khu công nghiệp Đồng Văn IV của Tổng công ty Viglacera; Khu đô thị sinh thái và dịch vụ thương mại Lam Hạ của Công ty Phương Bắc; Khu đô thị Liêm Chính của Công ty Xây lắp Hà Nam; Khu nhà ở đô thị tại xã Đại Cường, huyện Kim Bảng (GD1); Khu nhà ở sinh thái - Teelhomes Nhật Tân; Khu đô thị mới River Silk City (Phân kỳ II, III) thành phố Phủ Lý...

- Tình hình phát triển nhà ở xã hội: Các dự án xây dựng nhà ở cho công nhân đã và đang triển khai có hiệu quả, đáp ứng một phần nhu cầu về nhà ở cho công nhân làm việc tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh như⁴:

- Hoàn thành nhiệm vụ cơ quan thường trực thực hiện Đề án xây dựng Nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ với kết quả đã hỗ trợ cho 6.108 hộ xây dựng nhà ở (*Xây mới là 2.915 hộ; sửa chữa là 3.193 hộ*) với tổng kinh phí là 180.460 tỷ đồng.

- Hoàn thành nhiệm vụ cơ quan thường trực thực hiện Đề án hỗ trợ về nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Nam với kết quả đã có: 431 hộ được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác, 521 hộ được vay vốn Ngân hàng chính sách, 272 được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, 323 hộ đã tự bỏ kinh phí xây dựng nhà.

Hiện nay, diện tích bình nhà ở bình quân trên địa bàn tỉnh đạt 27,12 m²/người (*trong đó: khu vực đô thị đạt 28,2m²/người; khu vực nông thôn đạt 24,8m²/người*).

1.5. Công tác Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng:

Thời gian qua, việc phổ biến, tuyên truyền, triển khai thực hiện Luật Xây dựng; các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng trên địa bàn tỉnh đã từng bước đi vào nề nếp, công tác quản lý chất lượng công trình, quản lý chi phí xây dựng được đổi mới và tăng cường kiểm soát đã góp

⁴ Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở công nhân Khu công nghiệp Đồng Văn (*tại Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh*) được xây dựng trên khu đất diện tích 2.108m² thuộc dự án Trung tâm thương mại dịch vụ, văn phòng kết hợp nhà ở phục vụ Khu công nghiệp Đồng Văn, dự án đã cơ bản hoàn thành để đưa vào sử dụng. Dự án Xây dựng nhà ở xã hội nằm tại lô đất dành cho xây dựng nhà ở xã hội thuộc Khu đô thị Đồng Văn Xanh, huyện Kim Bảng và huyện Duy Tiên (*đã được UBND tỉnh phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư tại Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 25/12/2018*); quy mô xây dựng gồm 3 tòa nhà 5 tầng, tổng diện tích sàn 11.910m², hiện tại nhà đầu tư đã hoàn thiện thủ tục đầu tư xây dựng và đang triển khai thi công công trình. Dự án Thiết chế công đoàn của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đầu tư xây dựng trên khu đất đã đầu tư hạ tầng của dự án Khu nhà ở phục vụ Khu công nghiệp Đồng Văn với diện tích đất 41.924,3m², dự án đến nay đã cơ bản hoàn thành giai đoạn I gồm 01 khối nhà 5 tầng cho thuê, 04 khối nhà 5 tầng để bán và toàn bộ hạ tầng kỹ thuật. Dự án đầu tư xây dựng Khu dịch vụ, nhà công nhân Khu công nghiệp Đồng Văn IV do Tổng Công ty Viglacera làm chủ đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư (*tại Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 12/9/2018*) đáp ứng yêu cầu về quy mô dân số khoảng 9.130 người với tổng diện tích đất 151.355m² (15,14ha), dự án đã cơ bản hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhưng chưa triển khai đầu tư xây dựng công trình.

phần tích cực chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng nâng cao chất lượng công trình và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Ngân sách nhà nước.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, thẩm định 567 dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở, với tổng mức đầu tư khoảng 40.471,12 tỷ đồng; thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán 473 công trình (*trong đó sử dụng vốn ngân sách nhà nước 190 công trình, tổng giá trị trước thẩm định 2.378,7 tỷ đồng; giá trị sau thẩm định 2.261,4 tỷ đồng, giá trị cắt giảm khoảng 117,3 tỷ đồng, tỷ lệ cắt giảm khoảng 4,93%*).

Ngoài ra, còn tham gia ý kiến các dự án đầu tư, dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, thu thập số liệu, tính toán, công bố giá Vật liệu xây dựng, Chỉ số giá xây dựng cho khu vực các huyện, thành phố trong tỉnh theo định kỳ mỗi quý một lần; chủ động thực hiện công tác kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình theo phân cấp và kiểm tra trong quá trình thi công 123 công trình, quản lý năng lực các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 100/NĐ-CP (*cấp chứng chỉ cho 142 chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, 689 chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; cấp giấy phép cho nhà thầu nước ngoài 10 nhà thầu*).

1.6. Công tác quản lý Vật liệu xây dựng:

- Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Nam đến năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 (*nay đã bị bãi bỏ tại Quyết định 2223/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh*). Sau khi triển khai thực hiện, ngành sản xuất vật liệu xây dựng tỉnh Hà Nam đã đạt được những thành tích đáng kể cả về khối lượng và chất lượng sản phẩm. Việc phân vùng phát triển vật liệu xây dựng đã được định hướng rõ ràng và thực hiện theo lộ trình cụ thể. Cụ thể hóa quy hoạch vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng đã tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án Xi măng giai đoạn 2015-2020 và đề án hậu Xi măng trên địa bàn tỉnh; tổng công suất các dự án đã được quy hoạch và chấp thuận đầu tư: Xi măng khoảng 28,83 triệu tấn/năm; vôi công nghiệp khoảng 3,45 triệu tấn/năm; gạch nung đạt 647 triệu viên/năm; gạch không nung đạt khoảng 675,5 triệu viên/năm.

- Năm 2017, Sở Xây dựng được giao chủ trì lập điều chỉnh Quy hoạch phát triển VLXD tỉnh Hà Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Sở Xây dựng đã tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng với Viện Vật liệu xây dựng lập điều chỉnh Quy hoạch. Đơn vị tư vấn đã triển khai công việc theo đề cương nhiệm vụ được phê duyệt. Tuy nhiên, theo Luật Quy hoạch 21/2017/QH14, Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng cấp tỉnh không có trong danh mục quy hoạch của Luật Quy hoạch. Do vậy, Sở Xây dựng đã có văn bản xin ý kiến Bộ Xây dựng và báo cáo UBND tỉnh; sau đó được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý cho dừng việc triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và nghiệm thu khối lượng đã thực hiện để cập nhật lập mới hoặc điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại

khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (tại Văn bản số 2429/UBND-GTXD ngày 27/8/2018 của UBND tỉnh).

- Năm 2018, Sở Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan rà soát, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về góp ý dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định, Thuyết minh Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm VLXD đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Xây dựng chủ trì lập quy hoạch. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2639/KH-UBND ngày 14/9/2018 về xóa bỏ các lò vôi thủ công trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

- Theo chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 11/201/QĐ-UBND ngày 30/3/2017), Sở Xây dựng đã cử các thành viên tham gia Hội đồng thẩm định đề án thăm dò, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; báo cáo đánh giá tác động môi trường,...; tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở của các dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ lộ thiên do Sở Công thương chủ trì thẩm định;

- Đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Bộ Xây dựng kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, cụ thể là:

+ Năm 2016, đã cử chuyên viên tham gia Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 59/QĐ-TTr ngày 02/02/2016 của Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng thực hiện thanh tra việc khai thác, sản xuất: Đá xây dựng, cát xây dựng, gạch nung của một số đơn vị tại địa bàn tỉnh Hà Nam; Sở Xây dựng đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện Kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Xây dựng.

+ Năm 2019, đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện Thông báo kết quả kiểm tra công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo kiến nghị của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 384/BXD-VLXD ngày 01/3/2019.

- Thực hiện việc tiếp nhận và công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo Thông tư 10/2017/TT-BXD và QCVN 16:2017 (nay là Thông tư 19/2019/TT-BXD và QCVN 16:2019). Sở đã có Văn bản số 558/SXD-GĐ ngày 27/4/2016 hướng dẫn các doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải công bố hợp quy, làm thủ tục công bố và đăng ký công bố hợp quy.

1.7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng:

Hàng năm, ngành Xây dựng Hà Nam đều xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra để Thanh tra ngành Xây dựng tổ chức thực hiện. Theo đó, công tác thanh tra, kiểm tra đều thực hiện 100% theo đúng kế hoạch. Công tác thanh tra, kiểm tra các công trình sử dụng vốn nhà nước đã đem lại hiệu quả qua kiểm tra, như: kiến nghị giảm trừ các khối lượng thừa trong dự toán, áp dụng định mức, đơn giá không đúng theo quy định, kiến nghị sử dụng vật liệu xây

không nung vào công trình xây dựng đến nay đã đi vào nề nếp, chấn chỉnh đối với các phòng thí nghiệm xây dựng tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng thí nghiệm... Qua đó, đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu, kịp thời phát hiện, ngăn chặn việc xây dựng trái với quy định của pháp luật.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Thanh tra Xây dựng đã thực hiện được 101 cuộc kiểm tra theo kế hoạch, qua kiểm tra đã xử phạt vi phạm hành chính 45 đơn vị và thu nộp đầy đủ 825 triệu đồng về ngân sách nhà nước; ban hành các văn bản đôn đốc đề nghị Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xử lý về vi phạm trật tự xây dựng theo phân cấp.

Sở Xây dựng thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng theo quy định của pháp luật. Thường xuyên, tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, bằng việc ban hành Kế hoạch hàng năm.

Trong nhiệm kỳ, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết.

1.8. Công tác cải cách hành chính:

Sở Xây dựng đã chủ động nghiên cứu rà soát, xây dựng vị trí việc làm để bố trí đội ngũ cán bộ công chức, viên chức phù hợp với trình độ, chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị trực thuộc Sở được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ. Hàng năm đều tổ chức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện nghiêm túc việc công khai Bộ thủ tục hành chính theo quy định, niêm yết công khai tại Trung tâm hành chính công tỉnh và trên cổng thông tin điện tử của Sở, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và tổ chức có nhu cầu giải quyết đến tìm hiểu thông tin. Thủ tục hành chính của Sở được cung cấp ở dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và được giải quyết đảm bảo về chất lượng, đúng và sớm hơn so với thời gian quy định.

Hiện nay Sở Xây dựng có tổng số 34 thủ tục hành chính, trong đó có 34/34 thủ tục cắt giảm thời gian so với yêu cầu của Bộ Xây dựng (*tổng số thời gian giảm là 581 ngày chiếm 60,58%*), đặc biệt có một số TTHC tần suất thực hiện nhiều như: Thẩm định nhiệm vụ, đồ án Quy hoạch xây dựng; Cấp giấy phép xây dựng; thẩm định dự án; thẩm định thiết kế cơ sở; thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật; thẩm định bản vẽ thiết kế thi công...

Ngay từ đầu các năm đã tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành quy chế chỉ tiêu nội bộ của cơ quan; ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế quản lý tài sản công; Quy chế quản lý xe ô tô; tài sản công của cơ quan được sử dụng đúng mục đích, định mức, không lãng phí và không làm thất thoát tài sản công. Kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được chi vào mức tăng thu nhập bình quân cho cán bộ công chức trong tháng.

Với những kết quả cải cách hành chính và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cũng như thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, các năm gần đây Sở Xây dựng đều được xếp vị trí top đầu trong khối kinh tế ngành của tỉnh, cụ thể: năm 2016 được đánh giá xếp thứ 4/19 Sở, ngành về chỉ số cải cách hành chính, xếp thứ nhất khối Thi đua kinh tế Ngành và được Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc; năm 2017, được đánh giá xếp thứ 3 khối kinh tế Ngành, được Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng tặng cờ thi đua xuất sắc; năm 2018 Sở Xây dựng được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, năm 2019 Sở Xây dựng xếp thứ năm trong khối thi đua kinh tế ngành...

Đánh giá chung: Trong nhiệm kỳ qua, Tập thể lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động Sở Xây dựng luôn gương mẫu nêu cao tinh thần, ý thức trách nhiệm, chủ động tham mưu đề xuất đối với lĩnh vực được giao; chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, phong cách, lề lối làm việc; có sự đoàn kết, thống nhất và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chương trình công tác được Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá cao.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

2.1. Tồn tại, hạn chế:

- Hồ sơ thiết kế, dự toán các công trình, đồ án quy hoạch xây dựng chất lượng còn thấp, chưa phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá, chế độ, chính sách theo quy định. Do đó, phải chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ dẫn đến kéo dài thời gian lập, thẩm định và phê duyệt; nguyên nhân trước hết thuộc về Chủ đầu tư trong việc lựa chọn tư vấn, sau đó là do điều kiện năng lực của một số đơn vị tư vấn hiện nay không đáp ứng được yêu cầu.

- Việc tuân thủ quy hoạch được duyệt chưa được thực hiện nghiêm, vẫn còn điều chỉnh, bổ sung quy hoạch.

- Công tác lập, thẩm định quy hoạch một số đồ án tiến độ còn chậm. Công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc còn bất cập, chưa có sự thống nhất cao giữa các Sở, ngành với các cấp chính quyền địa phương và đơn vị liên quan, dẫn đến còn một số công trình xây dựng không phép, sai phép chưa kịp thời phát hiện và chấn chỉnh. Việc tuân thủ quy hoạch chưa nghiêm, vẫn còn điều chỉnh, bổ sung quy hoạch.

- Công tác quy hoạch, quản lý, đầu tư hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị chưa được quan tâm đúng mức, thiếu đồng bộ gây mất mỹ quan và cảnh quan đô thị. Hệ thống thoát nước của thành phố Phủ Lý và các thị trấn trong tỉnh chưa được đầu tư đồng bộ, nhiều khu vực xuống cấp, không đáp ứng được thoát nước khi mưa to kéo dài; việc ngầm hóa các công trình đường dây (điện sinh hoạt, viễn thông, cáp truyền hình...) tại một số khu nhà ở, khu đô thị mới cũng như tại khu đô thị cũ còn gặp nhiều khó khăn chưa thực hiện được.

- Công tác thẩm định thiết kế, dự toán một số công trình chưa đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng, còn phát sinh điều chỉnh, bổ sung trong quá

trình tổ chức thực hiện. Quá trình thẩm định đã phát hiện ra nhiều sai sót như: hồ sơ khảo sát thiết kế chưa hợp lý, tính toán khối lượng trong dự toán chưa chính xác; áp dụng đơn giá nhân công, ca máy, bù giá và cước phí vận chuyển chưa phù hợp. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chưa làm hết chức năng nhiệm vụ, chưa chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các công trình có biểu hiện vi phạm chất lượng.

- Công tác phối hợp về quản lý vật liệu xây dựng giữa các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện còn nhiều bất cập, tồn tại, hạn chế từ khâu quy hoạch, thăm dò, cấp phép, khai thác, chế biến, môi trường, hạ tầng dùng chung... đặc biệt trong việc khai thác và sản xuất đá xây dựng, cát xây dựng, gạch tuynel trên địa bàn tỉnh.

- Công tác thanh tra, kiểm tra vẫn còn công trình xây dựng vi phạm chưa được xử lý kịp thời.

5.2. Nguyên nhân:

- Chất lượng hồ sơ thiết kế, dự toán các công trình, đồ án quy hoạch xây dựng nhiều chỗ chưa phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá, chế độ, chính sách theo quy định. Do đó, phải chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ dẫn đến kéo dài thời gian lập, thẩm định và phê duyệt. Nguyên nhân chủ yếu trước hết thuộc về trách nhiệm của Chủ đầu tư, do năng lực quản lý điều hành yếu, chưa hiểu hết chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn được giao. Đặc biệt điều kiện, năng lực của các đơn vị tư vấn (*khảo sát, thiết kế, giám sát*) do Chủ đầu tư lựa chọn đã được nâng lên nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định.

- Năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Sở đã được nâng lên nhiều; tuy nhiên một số cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan vẫn còn hạn chế về năng lực, chưa chủ động trong tham mưu đề xuất, chưa quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ được giao... Công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp trong giải quyết một số công việc còn thiếu động bộ, chưa chặt chẽ, kịp thời; số lượng biên chế giao cho Sở ít, không đủ để bố trí theo cơ cấu tổ chức bộ máy. Đối với lực lượng làm công tác quản lý xây dựng tại cấp huyện, cấp xã còn thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn nghiệp vụ.

- Lực lượng thanh tra, kiểm tra của Sở còn rất mỏng, không có đội ngũ thanh tra cắm chốt tại các địa bàn cấp huyện, thành phố theo chức năng ngành dọc, dẫn đến công tác quản lý, phối hợp với các lực lượng quản lý trật tự đô thị cấp huyện, thành phố cũng như phát hiện vi phạm chưa được kịp thời, chưa đạt yêu cầu. Chế tài xử lý vi phạm còn nhẹ chưa đủ sức dằn dè. Chính quyền địa phương còn buông lỏng quản lý, chưa làm tròn hết trách nhiệm trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt các vi phạm về trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý.

- Việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung chưa đồng bộ, còn manh mún, chưa đầu tư theo định hướng phát triển theo tầm nhìn dài hạn; thiếu cơ chế chính sách khuyến khích, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển đô thị và hạ tầng khung trên địa bàn tỉnh.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước luôn có sự thay đổi, còn chồng chéo, bất cập; chưa thống nhất trong tổ chức thực hiện, đặc biệt việc hướng dẫn chưa kịp thời.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

1. Những nhiệm vụ trọng tâm:

- Tăng cường công tác lập quy hoạch phân khu, nâng cao tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu tại các đô thị. Nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch xây dựng đô thị nhằm phát huy tối đa vai trò định hướng phát triển cho các đô thị. Tăng cường công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt, gắn kết giữa đầu tư phát triển đô thị với định hướng quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

- Tiếp tục thực hiện quy hoạch phát triển đô thị theo Nghị quyết 05-NQ/TU của Tỉnh ủy; Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh giai đoạn đến năm 2030 tầm nhìn 2050. Thực hiện Chương trình nâng cấp đô thị giai đoạn đến năm 2025 phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Nâng cao chất lượng đô thị, hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, đảm bảo cho mỗi đô thị phát huy được các thế mạnh của mình phát triển ổn định, cân bằng, bền vững và trở thành động lực, hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở mỗi vùng theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa.

- Quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng khung theo định hướng quy hoạch vùng, quy hoạch chung xây dựng đảm bảo kết nối đồng bộ, hiện đại. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật phải bảo đảm theo quy chuẩn xây dựng và các quy định của pháp luật.

- Phát triển nhà ở đô thị, nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội và điều kiện quy hoạch của từng vùng, giữ gìn được bản sắc truyền thống, đảm bảo theo đúng mục tiêu mà Chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình nhà ở đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở của nhân dân, tạo động lực cho phát triển đô thị và nông thôn bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Đặc biệt chú trọng phát triển các dự án nhà ở công nhân để đáp ứng nhu cầu cho công nhân tại các KCN, cụm CN trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển ngành vật liệu xây dựng trên cơ sở khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng, đảm bảo phát triển hài hòa, bền vững giữa kinh tế, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường, sinh thái.

- Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Ưu tiên phát triển những công nghệ tiên tiến, hiện đại sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, tiêu tốn ít nguyên liệu, nhiên liệu và điện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý những sai phạm trong lĩnh vực xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng công trình xây dựng và các mục tiêu, nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành.

2. Một số giải pháp chủ yếu:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch giai đoạn 2021-2025 có tính khả thi cao và sát với tình hình thực tế, phấn đấu hoàn thành tốt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của ngành Xây dựng; thường xuyên phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ về Luật, Nghị định, Thông tư trong hoạt động xây dựng. Qua đó, rà soát, tập trung nghiên cứu tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng trên cơ sở Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện để thống nhất áp dụng.

- Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ triển khai lập, thẩm định các đồ án quy hoạch xây dựng, nhằm phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường công tác quản lý, thực hiện quy hoạch theo đồ án được duyệt; quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình có hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản, nhất là các dự án sử dụng vốn nhà nước.

- Chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong việc lập và thực hiện Chương trình phát triển đô thị của các đô thị trên địa bàn, triển khai công tác nâng loại đô thị theo Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh. Phấn đấu mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh đạt 47,5% và ngang bằng với cả nước.

- Tổ chức thực hiện việc phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, đơn đốc Chủ đầu tư các dự án xi măng Xuân Thành, xi măng Thành Thắng tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng dây chuyền 2, 3, 4 bảo đảm chất lượng và đưa vào vận hành hoạt động theo kế hoạch tiến độ.

- Tiếp tục rà soát, kiểm tra, đánh giá để công bố và đăng tải công khai các thông tin về năng lực hoạt động của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng và Bộ Xây dựng; đồng thời tăng cường công tác quản lý, kiểm soát năng lực hoạt động của các đơn vị tư vấn và các nhà thầu thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và hướng dẫn các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng nâng cao trách nhiệm, hiệu quả đầu tư, tránh thất thoát lãng phí vốn đầu tư.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung rà soát các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; nghiên cứu cắt giảm theo hướng nhanh gọn, đồng thời nâng cao chất lượng giải quyết các thủ tục hành chính. Tăng cường công khai minh bạch các thủ tục hành chính, nhất là tại các phòng chuyên môn có nhiều thủ tục liên quan đến tổ chức, công dân và

doanh nghiệp. Nâng cao hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước.

- Chú trọng đổi mới, nâng cao hơn nữa chất lượng và trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong các lĩnh vực được phân công phụ trách; cần gắn đánh giá, phân loại đảng viên, công chức, viên chức với công tác thi đua khen thưởng hàng năm.

- Thường xuyên coi trọng, làm tốt công tác quy hoạch, kiện toàn, sắp xếp bộ máy tổ chức cơ quan Sở trên cơ sở đánh giá năng lực, chuyên môn được đào tạo, sở trường công tác và trách nhiệm công việc của cán bộ, công chức, viên chức để bố trí cho phù hợp, tạo động lực phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 và xây dựng kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của Sở Xây dựng Hà Nam./. *Nguyễn Quang Huy*

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);

- UBND tỉnh (để b/c);

- Lưu VT-VP.

CV (ML)268

CV(ML)- 2020/0647

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Huy

KẾ HOẠCH NGÀNH XÂY DỰNG 5 NĂM 2021-2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016-2020		KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025	Mục tiêu bình quân 5 năm 2021-2025
				Năm 2020	Bình quân 5 năm 2016-2020						
I	Sản phẩm chủ yếu										
	- Xi măng	10 ³ tấn	105	15,500	11,228	15,600	16,500	20,150	22,600	24,700	19,910
	- Khai thác đá	10 ³ m ³	102.9	12,580	12,166	12,560	12,525	12,510	12,500	12,500	12,519
	- Gạch nung	Tr.viên	105.6	500	468	480	475	470	470	460	471
	- Gạch không nung	Tr.viên		400	323	420	435	450	465	480	450
	- Nước máy	1.000 m3	18,000	21,000	20,062	21,500	22,000	22,500	23,000	23,500	22,500
II	Chỉ tiêu môi trường và phát triển bền vững										
1	Tỷ lệ hộ dân cư thành thị sử dụng nước sạch	%	85	96	90.5	96.5	97	97.5	98	98.5	97.5
2	Diện tích nhà ở bình quân sàn/người	m2	22.0	26.1	24.05	26.4	26.7	27	27.3	27.5	27
	<i>Trong đó:</i>										
	+ Diện tích nhà ở bình quân tại đô thị	m2	23.5	32.0	27.75	32.5	33	33.5	34	34.5	33.5
	+ Diện tích nhà ở bình quân tại nông thôn	m2	20.5	23.5	22	23.8	24.1	24.5	24.8	25	24.4
3	Tỷ lệ đô thị hóa	%	20.39	37.15	28.77	37.5	38.0	38.5	39.0	47.5	40.1

Ghi chú: Tỷ lệ đô thị hóa theo từng năm có thể thay đổi gắn với tiến độ lập quy hoạch chung và nâng cấp đô thị Kim Bảng, đô thị Thái Hà.